

Số: 08 /2014/TT-TTCP

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2014

THÔNG TƯ
Quy định thẩm quyền, nội dung thanh tra
trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra

Căn cứ Luật thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Vụ trưởng Vụ Thanh tra Khối kinh tế ngành,

Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

2. Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra áp dụng theo quy định tại Luật thanh tra và Mục 1, Chương III của Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy

định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra và các quy định khác của pháp luật về thanh tra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước, thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Trưởng đoàn thanh tra và thành viên đoàn thanh tra khi thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong các cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra; giải quyết khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời kiến nghị của cơ quan thanh tra, Đoàn thanh tra; kết luận thanh tra và chỉ đạo, tổ chức thực hiện kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra có trách nhiệm báo cáo, giải trình, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra; thực hiện yêu cầu, kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của người có thẩm quyền.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của người có thẩm quyền tiến hành thanh tra.

Chương II

THẨM QUYỀN THANH TRA TRÁCH NHIỆM

Điều 5. Thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ

1. Thanh tra Chính phủ thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ), cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2. Trong quá trình tiến hành thanh tra đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, Đoàn thanh tra của Thanh tra Chính phủ có quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân thuộc quyền quản lý của bộ, của cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Điều 6. Thẩm quyền của Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ

1. Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là Thanh tra bộ) thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của bộ, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định thành lập.

2. Trong quá trình tiến hành thanh tra đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, Đoàn thanh tra của Thanh tra bộ có quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân thuộc quyền quản lý của đơn vị thuộc bộ, trực thuộc bộ, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị khác do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định thành lập; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Điều 7. Thẩm quyền của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Thanh tra tỉnh) thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là sở); Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

2. Trong quá trình tiến hành thanh tra đối với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều này, Đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh có quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của sở, của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Điều 8. Thẩm quyền của Thanh tra sở

1. Thanh tra sở thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của sở.

2. Trong quá trình tiến hành thanh tra đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, Đoàn thanh tra của Thanh tra sở có quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của đơn vị thuộc sở, trực thuộc sở; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Điều 9. Thẩm quyền của Thanh tra quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

1. Thanh tra quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Thanh tra cấp huyện) thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập.

2. Trong quá trình tiến hành thanh tra đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, Đoàn thanh tra của Thanh tra huyện có quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Chương III

NỘI DUNG THANH TRA TRÁCH NHIỆM

Mục 1

NỘI DUNG THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG THANH TRA, XỬ LÝ KIẾN NGHỊ THANH TRA, THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA, BỔ NHIỆM CÁC NGẠCH THANH TRA

Điều 10. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước

1. Việc chỉ đạo xây dựng kế hoạch thanh tra, phê duyệt kế hoạch thanh tra, tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, xử lý kiến nghị của cơ quan thanh tra.

2. Việc tổ chức thực hiện kết luận thanh tra: việc ban hành các quyết định, tổ chức xử lý sai phạm về kinh tế, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật; việc áp dụng biện pháp để khắc phục, sơ hở, yếu kém, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật.

Điều 11. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

1. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra; nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra.

2. Việc phối hợp với cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong việc phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm.

3. Việc xử lý chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra; việc phối hợp giải quyết chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra.

a) Số vụ việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra phải xử lý; số vụ phải phối hợp giải quyết;

b) Kết quả của việc xử lý, kết quả của việc phối hợp giải quyết chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra.

Điều 12. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về bổ nhiệm các ngạch thanh tra

Việc khai hồ sơ; xác định điều kiện, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; thẩm quyền, trình tự thủ tục, kết quả bổ nhiệm vào các ngạch thanh tra viên.

Mục 2

NỘI DUNG THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG THANH TRA

Điều 13. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về thẩm quyền ban hành quyết định thanh tra

1. Việc thực hiện quy định về thẩm quyền, căn cứ ban hành, nội dung quyết định thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành.

2. Việc thực hiện quy định về trình tự, thủ tục giao nhiệm vụ; nội dung giao nhiệm vụ cho thanh tra viên chuyên ngành, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập.

Điều 14. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về công bố quyết định thanh tra

1. Về thông báo việc công bố quyết định thanh tra.
2. Về thời gian, địa điểm, thành phần, hình thức công bố.

Điều 15. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về thời hạn thanh tra

1. Số cuộc thanh tra có kết luận thanh tra đúng thời hạn.
2. Số cuộc thanh tra có kết luận thanh tra chậm so với thời hạn quy định; nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
3. Số cuộc thanh tra tồn đọng từ năm trước để sang kế hoạch thanh tra năm sau; nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 16. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về quy trình tiến hành một cuộc thanh tra

1. Về chuẩn bị thanh tra: Việc nắm tình hình, thu thập thông tin, tài liệu để phục vụ việc ban hành quyết định thanh tra; xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến hành thanh tra; phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra; xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo.

2. Về tiến hành thanh tra: Việc thu thập thông tin, tài liệu và quản lý hồ sơ tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra; việc kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu; việc báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ thanh tra và việc ghi nhật ký Đoàn thanh tra.

3. Về kết thúc thanh tra: Việc tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thanh tra; việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của người ra quyết định thanh tra; việc xây dựng dự thảo kết luận thanh tra; việc ký ban hành và công bố kết luận thanh tra; việc lập, bàn giao hồ sơ thanh tra.

Điều 17. Thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra trong quá trình thanh tra

1. Việc tổ chức, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn thanh tra; việc thực hiện nội dung quyết định thanh tra.

2. Việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn thanh tra; áp dụng các biện pháp để thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn thanh tra.

3. Áp dụng các biện pháp để thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra; việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Đoàn thanh tra.

Điều 18. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về báo cáo kết quả thanh tra, kết luận thanh tra

1. Việc xây dựng báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra: hình thức, nội dung báo cáo kết quả thanh tra; việc lấy ý kiến của các thành viên Đoàn thanh tra tham gia xây dựng báo cáo kết quả thanh tra; thời gian ban hành báo cáo; việc gửi báo cáo kết quả thanh tra.

2. Việc xây dựng kết luận thanh tra: Hình thức, nội dung của kết luận thanh tra; thời gian ban hành kết luận thanh tra; việc gửi kết luận thanh tra.

Điều 19. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về công khai kết luận thanh tra

1. Về hình thức công khai: Việc lựa chọn các hình thức công khai tại cuộc họp; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; đưa lên trang thông tin điện tử của cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp; niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra; cung cấp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Về nội dung công khai, đối tượng công khai.

3. Về thời gian công khai, số lần thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 20. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về giám sát, kiểm tra hoạt động của Đoàn thanh tra

1. Về trách nhiệm nhiệm giám sát: Số cuộc thanh tra được giám sát; kết quả giám sát; việc xử lý kết quả giám sát.

2. Về trách nhiệm kiểm tra: Số vụ việc được kiểm tra; kết quả kiểm tra; việc xử lý kết quả kiểm tra.

Mục 3

NỘI DUNG THANH TRA TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA

Điều 21. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về thanh tra

1. Việc ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp luật về thanh tra, số văn bản đã ban hành; tính hợp pháp, hợp lý, khả thi, kịp thời của văn bản.

2. Việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện văn bản pháp luật về thanh tra.

Điều 22. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra

1. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra.
2. Việc quán triệt, tập huấn quy định của pháp luật về thanh tra cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.
3. Việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về thanh tra cho công dân, tổ chức.
4. Chất lượng, hiệu quả của việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra.

Điều 23. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra trách nhiệm

1. Việc xây dựng và ban hành kế hoạch thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý.
2. Việc tiến hành thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý.
3. Chất lượng, hiệu quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý.

Điều 24. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo, quản lý và lưu trữ hồ sơ thanh tra

1. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề về công tác thanh tra, hình thức, nội dung, chất lượng, số lượng, thời gian báo cáo và các nội dung khác.
2. Việc quản lý, khai thác, sử dụng và lưu trữ hồ sơ thanh tra.

Điều 25. Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Việc thực hiện các quy định pháp luật để xác định tiêu chuẩn, đối tượng, hình thức, thủ tục khen thưởng đối với người có thành tích xuất sắc trong hoạt động thanh tra.
2. Việc xử lý vi phạm quy định pháp luật về thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiến hành thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, hình thức, thời hạn và kết quả xử lý.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2014.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có các vấn đề mới phát sinh, đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh về Thanh tra Chính phủ để được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *ST*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể CT-XH;
- Thanh tra Bộ, ngành TW;
- Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTCP: Tổng Thanh tra Chính phủ, các Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, các vụ, cục, đơn vị thuộc TTCP, Website TTCP;
- Công TTĐT Chính phủ; Công báo;
- Lưu: VT, PC, Vụ I.

TỔNG THANH TRA



Huyền Phong Tranh